

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ W
TỈNH B THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ W, TỈNH B THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trần Quyết;
2. Ông Lê Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố W.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố W tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sốc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Xui Thị X, sinh ngày 14/10/2001 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường Q, thành phố W, B Tháp.

2. Bị đơn: Anh Lê S, sinh năm 1994 (vắng mặt lần thứ 2).

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, phường C, thành phố W, tỉnh B Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Xui Thị X trình bày:

Chị và anh Lê S tìm hiểu nhau trước khi kết hôn, anh chị đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố W. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng sau đó thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S thường hay nhậu về đánh đập chị nhiều lần, vì thương con nên chị nhẫn nhịn và cũng đã tạo điều kiện để vợ chồng đoàn

tự, nhưng anh S vẫn không sửa đổi. Lần gần đây vào tháng 11 năm 2023, chị mới sinh con được vài tháng, sau khi uống rượu say anh S rượt đánh chị, rất may chị chạy thoát. Từ đó, chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống, kể từ đó anh chị sống ly thân cho đến nay. Xét thấy không thể duy trì cuộc sống hôn nhân, nên chị làm đơn yêu cầu giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Lê S.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê L, sinh ngày 05/6/2023 và Lê N, sinh ngày 07/10/2019. Chị X yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Hiện tại chị đang trực tiếp nuôi con, chị đang phụ cha mẹ bán quán phở, thu nhập mỗi ngày 250.000B, nên đủ khả năng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh S chung sống không có tài sản chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn trình bày anh Lê S:**

- Về quá trình đi đến hôn nhân đúng như Chị X trình bày. Sau khi tìm hiểu anh chị cưới nhau và đến năm 2020 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu sống rất hạnh phúc, thỉnh thoảng có cãi nhau, anh cũng thừa nhận lúc nóng giận có đánh vợ, nhưng thực tế anh rất thương vợ nên muốn vợ chồng sống đoàn tụ để cùng nuôi dạy con. Vợ chồng sống ly thân khoảng 02 tháng. Qua yêu cầu khởi kiện của Chị X thì anh không B ý ly hôn, anh muốn vợ chồng sống đoàn tụ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê L, sinh ngày 05/6/2023 và Lê N, sinh ngày 07/10/2019, do anh không thống nhất ly hôn, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu Chị X cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố W phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội B xét xử đã chấp hành đúng quy định của bộ luật Tổ tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội B xét xử căn cứ các Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Xùì Thị X, xử cho Chị Xùì Thị X được ly hôn với anh Lê S; Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi con của Chị Xùì Thị X, chỉ B được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê L, sinh ngày 05/6/2023 và Lê N, sinh

ngày 07/10/2019, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị X tự nguyện không yêu cầu; Về tài sản và nợ chung: Chị X và anh S đều trình bày không có nên không đề nghị Hội B xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và bị đơn Lê S hiện đang cư trú tại khóm 2, phường C, thành phố W, tỉnh B Tháp nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố W theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Xùì Thị X yêu cầu ly hôn với anh Lê S. Hội B xét xử xét thấy: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, cũng như Chị X, anh S đều thừa nhận anh chị cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C vào năm 2020, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình hôn nhân anh chị sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S uống rượu say thường hay kiếm chuyện cự cãi và có hành vi dùng vũ lực với Chị X. Mặc dù Chị X đã nhiều lần khuyên ngăn và cho anh S cơ hội sửa đổi, nhưng anh S vẫn không sửa đổi nên anh chị ly thân từ đầu tháng 12/2023 cho đến nay. B thời, anh S thừa nhận đã có hành vi bạo lực gia đình đối với Chị X, điều này làm cho mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm giữa anh chị không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời gian ly thân anh, chị cũng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, nên Hội B xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của Chị X là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội B xét xử chấp nhận.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho

hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

- Về con chung: Chị X và anh S có 02 con chung tên Lê L, sinh ngày 05/6/2023 và Lê N, sinh ngày 07/10/2019, hiện đang sống chung với Chị X. Nay ly hôn cả Chị X và anh S đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng cấp dưỡng. Hội B xét xử xét thấy, cháu Lê N, sinh ngày 07/10/2019, từ khi sống ly thân đến nay cháu sống chung với Chị X và Chị X cũng đã đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu tốt. Nhưng đối với anh S đã có hành vi bạo lực gia đình và kể từ khi anh chị ly thân thì anh S cũng không thường xuyên quan tâm chăm sóc cháu Hạo. Đối với cháu Lê L, sinh ngày 05/6/2023, hiện Chị X đang nuôi dưỡng và theo quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Từ những phân tích đánh giá trên, Hội B xét xử xét thấy để đảm bảo về mọi mặt cho sự phát triển của cháu Hạo, cũng như quyền nuôi con dưới 36 tháng tuổi của mẹ, nên giao cháu Hạo và Phát cho Chị X tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 81. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn

...

2. Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thoả thuận khác phù hợp với lợi ích của con".

Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con, do Chị X tự nguyện không yêu cầu, Chị X cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Chị X và anh S đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội B xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị X và anh S đều thừa nhận vợ chồng không có nợ ai và không có ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội B xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định, theo đó:

Nguyên đơn Chị Xùì Thị X phải chịu 300.000B tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000B tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001849 ngày 28/12/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố W, tỉnh B Tháp, Chị X đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Lê S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Từ các phân tích nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố W là có căn cứ nên Hội B xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Xùì Thị X. Chị Xùì Thị X được ly hôn với anh Lê S.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của Chị Xùì Thị X.

Chị Xùì Thị X được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Lê L, sinh ngày 05/6/2023 và Lê N, sinh ngày 07/10/2019. Anh Lê S không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị X tự nguyện không yêu cầu. Chị X cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Chị Xùì Thị X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 B, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị X đã nộp là 300.000 B theo biên lai thu số 0001849 ngày 28/12/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố W, tỉnh B Tháp, Chị X đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/4/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. W;
- UBND phường C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thống